

Số: 01/2021/NQ-HĐND

An Giang, ngày 15 tháng 3 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số mức chi phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV
và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026
trên địa bàn tỉnh An Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 19**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 133/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Căn cứ Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Xét Tờ trình số 79/TTr-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số mức chi phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định một số mức chi phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh An Giang

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định một số mức chi phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh An Giang.

Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ liên quan đến hoạt động bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Nguyên tắc chung

1. Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử phải được các cơ quan, đơn vị và địa phương quản lý chặt chẽ, chi tiêu theo đúng chế độ, đúng mục đích, có hiệu quả; sử dụng các phương tiện phục vụ các cuộc bầu cử trước đây còn sử dụng được, huy động các phương tiện đang được trang bị ở các cơ quan, đơn vị để phục vụ cho nhiệm vụ bầu cử đảm bảo tiết kiệm chi cho ngân sách nhà nước.

2. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau của cùng một nội dung chi thì chỉ được hưởng mức chi cao nhất. Danh sách chi được thực hiện theo Nghị quyết, Quyết định thành lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3. Quy định mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử

1. Về nội dung chi và mức chi phục vụ cho bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 được quy định như sau: *(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)*

a) Chi tổ chức hội nghị, tập huấn.

b) Chi bồi dưỡng các cuộc họp; chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ban Chỉ đạo bầu cử; Thường trực Hội đồng nhân dân; Ủy ban bầu cử; Tổ giúp việc; các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành); chi xây dựng văn bản; chi bồi dưỡng, hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử; chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử.

c) Chi thiết bị phục vụ cơ quan thường trực Ủy ban bầu cử tỉnh: Thực hiện theo đúng định mức, chế độ, chi tiêu hiện hành trong phạm vi dự toán ngân sách phục vụ công tác bầu cử được phê duyệt.

d) Các nội dung chi khác: Thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

2. Về thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử được tính theo thời gian thực tế phát sinh, tối đa không quá 05 tháng.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Kinh phí phục vụ cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh An Giang do ngân sách Trung ương đảm bảo và được bổ sung một phần từ ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 ngày 11 tháng 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Căn cứ mức chi quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này, kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử được phân bổ cho các ngành, cơ quan, đơn vị và địa phương trên cơ sở ngân sách Trung ương đảm bảo theo thông báo, tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

3. Ngoài kinh phí được phân bổ tại khoản 2 Điều 4 của Nghị quyết này, trong trường hợp cần thiết, thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ động sắp xếp, bố trí một khoản kinh phí từ nguồn ngân sách chi thường xuyên đã được giao để hỗ trợ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Điều 5. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang Khóa IX Kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 15 tháng 3 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 25 tháng 3 năm 2021.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nội vụ;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - VPCP;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú TTXVN tại AG, Báo Nhân dân tại AG, Truyền hình Quốc hội tại tỉnh Kiên Giang;
- Báo An Giang, Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang;
- Website tỉnh, Trung tâm Công báo - Tin học;
- Cổng thông tin điện tử Văn phòng HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Tổng hợp-Huy.

**CHỦ TỌA KỲ HỌP
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đỗ Tấn Kiệt

PHỤ LỤC
QUY ĐỊNH MỘT SỐ MỨC CHI PHỤC VỤ CÔNG TÁC BẦU CỬ
ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG
NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2021 - 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 01 /2021/NQ-HĐND ngày 15 /3/2021 của HĐND tỉnh An Giang)



STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
I	Chi tổ chức hội nghị, tập huấn				
1	Chi tổ chức hội nghị		Theo Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh An Giang. Riêng chi tổ chức hội nghị do Ủy ban bầu cử triệu tập đối với nội dung bồi dưỡng đại biểu tham dự thực hiện theo Mục II Phụ lục này.		
2	Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử		Theo Nghị quyết 14/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức tỉnh An Giang		
II	Chi bồi dưỡng các cuộc họp				
1	Các cuộc họp của Ban Chỉ đạo bầu cử; Ủy ban bầu cử; Tổ giúp việc; các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử; Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam				
	- Chủ trì cuộc họp	đồng/người/buổi	200.000	200.000	150.000
	- Thành viên tham dự	đồng/người/buổi	100.000	100.000	80.000
	- Các đối tượng phục vụ	đồng/người/buổi	50.000	50.000	40.000
2	Các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử				
	- Chủ trì cuộc họp	đồng/người/buổi	150.000	150.000	120.000
	- Thành viên tham dự	đồng/người/buổi	80.000	80.000	60.000
	- Các đối tượng phục vụ	đồng/người/buổi	50.000	50.000	40.000

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
III	Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ban Chỉ đạo bầu cử; Thường trực HĐND; Ủy ban bầu cử; Tổ giúp việc; các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành)				
1	Trưởng đoàn giám sát	đồng/người/buổi	200.000	200.000	150.000
2	Thành viên chính thức của đoàn giám sát	đồng/người/buổi	100.000	100.000	80.000
3	Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn giám sát:				
	- Phục vụ trực tiếp đoàn giám sát	đồng/người/buổi	80.000	80.000	60.000
	- Phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (lái xe, bảo vệ lãnh đạo)	đồng/người/buổi	50.000	50.000	40.000
4	Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát				
a	Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ủy ban bầu cử	đồng/báo cáo	2.500.000	2.500.000	2.000.000
b	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia	đồng/người/lần	200.000	200.000	150.000
			(Tổng mức chi xin ý kiến tối đa là: 800.000 đồng/người/văn bản)	(Tổng mức chi xin ý kiến tối đa là: 800.000 đồng/người/văn bản)	(Tổng mức chi xin ý kiến tối đa là: 600.000 đồng/người/văn bản)
c	Chỉnh lý, hoàn chỉnh báo cáo	đồng/báo cáo	600.000	600.000	450.000
IV	Chi xây dựng văn bản				
1	Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử		Theo Nghị Quyết số 23/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức phân bổ kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh An Giang		

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
2	Chi xây dựng các văn bản ngoài phạm vi điều chỉnh của Nghị Quyết số 23/2017/NQ-HĐND liên quan đến công tác bầu cử, có phạm vi toàn tỉnh, huyện, xã do Ủy ban bầu cử ban hành (kế hoạch, thông tri, văn bản chuyên môn hướng dẫn công tác phục vụ bầu cử, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản tổng kết cuộc bầu cử trong cả tỉnh)				
a	Xây dựng văn bản (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý)	đồng/văn bản	2.000.000	2.000.000	1.500.000
			200.000	200.000	150.000
b	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia	đồng/người/lần	(Tổng mức chi xin ý kiến tối đa là: 800.000 đồng/người/văn bản)	(Tổng mức chi xin ý kiến tối đa là: 800.000 đồng/người/văn bản)	(Tổng mức chi xin ý kiến tối đa là: 600.000 đồng/người/văn bản)
V	Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử				
1	Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau:				
a	- Trưởng, Phó Ban Chỉ đạo bầu cử. - Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử. - Trưởng các Tiểu ban Ủy ban bầu cử.	đồng/người/tháng	2.200.000	2.200.000	1.800.000
b	- Thành viên Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử. - Phó Trưởng các Tiểu ban Ủy ban bầu cử. - Tổ trưởng, Tổ phó Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo bầu cử. - Tổ trưởng, Tổ phó Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử.	đồng/người/tháng	2.000.000	2.000.000	1.600.000

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
c	- Thành viên: + Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo bầu cử. + Các Tiểu ban, tổ giúp việc của Ủy ban bầu cử.	đồng/người/tháng	1.800.000	1.800.000	1.400.000
d	Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử thực hiện theo thực tế; tính từ thời điểm Ủy ban bầu cử thành lập đến khi Ủy ban bầu cử kết thúc nhiệm vụ; nhưng tối đa không quá 05 tháng.				
2	Các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài các đối tượng đã được huy động, trung tập tham gia tại các Tiểu ban, các tổ giúp việc Ủy ban bầu cử) thời gian hưởng chế độ không quá 15 ngày ; (không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử)	đồng/người/ngày	100.000	100.000	80.000
	Trường hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày , thực hiện chi bồi dưỡng trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trung tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt	đồng/người/tháng	1.500.000	1.500.000	1.200.000
3	Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử), áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử; danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt	đồng/người/ngày	150.000	150.000	150.000

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
VI	Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử:				
1	Trưởng, Phó Ban Chỉ đạo bầu cử; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử, Trưởng các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử	đồng/người/tháng	500.000	500.000	400.000
2	Thành viên Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử, Phó trưởng các Tiểu ban, Tổ giúp việc	đồng/người/tháng	400.000	400.000	300.000
3	Trường hợp cần thiết Chủ tịch Ủy ban bầu cử quyết định danh sách cán bộ tham gia phục vụ công tác bầu cử được hỗ trợ cước điện thoại di động	đồng/người/tháng	300.000	200.000	
4	Thời gian hỗ trợ cước điện thoại di động được tính theo thời gian thực tế, từ thời điểm thành lập Ủy ban bầu cử đến khi Ủy ban bầu cử kết thúc nhiệm vụ nhưng tối đa không quá 05 tháng)				
VII	Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử				
1	Người được giao trực tiếp việc tiếp công dân	đồng/người/buổi	80.000	80.000	60.000
2	Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân	đồng/người/buổi	60.000	60.000	50.000
3	Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân	đồng/người/buổi	50.000	50.000	40.000